TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:129/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**
2. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **LÊ THỊ T,** sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp MH, xã TT, huyện CB, tỉnh TG.
Bị đơn:* Anh **CAO HOÀNG H, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp MH, xã TT, huyện CB, tỉnh TG.
(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng năm 2012, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh H.

+ Về con chung : Anh chị có 01 con chung tên Cao Anh T, sinh ngày 21/4/2012 khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo tờ khai ngày 08/7/2019 phía bị đơn anh Cao Hoàng H trình bày:

Anh và chị T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm nên không sống chung được, nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, anh chị có 01 con chung theo lời chị T trình bày là đúng, hiện cháu do chị T nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, về con chung: anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên, còn anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Cao Hoàng H có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Hải là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Lê Thị T và anh Cao Hoàng H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn. Theo lời chị T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay, nay chị xin ly hôn anh H. Còn phía anh H có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, tuy nhiên theo tờ tự khai anh cung cấp cho Tòa án đề ngày 08/7/2019 anh cũng xác định anh và chị T chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhiều quan điểm, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài từ năm 2013 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ được, anh chị cũng có ý kiến thống nhất ly hôn, tại phiên tòa, phía chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H, còn phía anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Cao Anh T, sinh ngày 21/4/2012, tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, phía anh H vắng mặt, tuy nhiên tại tờ khai ngày 07/8/2019 anh cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung, mặc khác qua tham khảo ý kiến của cháu T cũng có nguyện vọng sống với chị T nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Xét thấy từ khi anh H và chị T ly thân nhau, con chung do chị T nuôi dưỡng đã ổn định, cháu vẫn phát triển tốt bình thường, do vậy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Cao Hoàng H.

2/ ***Về con chung***:

- Giao con chung cháu Cao Anh T, sinh ngày 21/4/2012 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Cao Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Hoàng H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3/ ***Về tài sản chung***: Không có.

4/ ***Về nợ chung***: Không có.

5/ ***Về án phí***:

Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0002006 ngày 02/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH